BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 809 /QĐ-BGTVT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2004/QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc hội về chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về điều chỉnh một số nội dung và giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 38/2004/QH11;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Căn cứ Văn bản số 548/TTg-CN ngày 16/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Xét Tờ trình số 1527/TTr-BĐHCM ngày 12/6/2023 của Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh về việc trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa; báo cáo thẩm tra số 269/CNUTCV ngày 26/5/2023 của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đại học Giao thông vận tải; ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan; Văn bản giải trình số 1502/BĐHCM-KTTĐ ngày 09/6/2023 của Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1592/CQLXD-DAĐT2 ngày 28/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu đầu tư

Góp phần từng bước nối thông tuyến đường Hồ Chí Minh từ Pắc Bó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau), thực hiện việc phân kỳ đầu tư một cách khoa học, khả thi và kết thúc dự án đường Hồ Chí Minh với quy mô 2 làn xe theo chỉ đạo của Quốc hội tại các Nghị quyết: số 38/2004/QH11 ngày 03/12/2004, số 66/2013/QH13 ngày 29/11/2013 và số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022; từng bước nâng cấp đoạn Chơn Thành - Đức Hòa theo tiêu chuẩn đường cao tốc phù hợp quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.

Hoàn thành các hạng mục thi công dở dang, tránh lãng phí nguồn vốn nhà nước đã đầu tư, góp phần chia sẻ lưu lượng với các trục dọc vùng Đông Nam bộ, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông, bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương khu vực tuyến đi qua nói riêng và vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên nói chung.

4.2. Phạm vi dự án

- Điểm đầu: Khoảng Km10+00 tại xã Trừ Văn Thố thuộc huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (tiếp giáp với đoạn tuyến đã được đầu tư tại Quyết định 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 và điều chỉnh tại Quyết định số 1317/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Điểm cuối: Khoảng Km82+750 giao với Quốc lộ N2 (nay là đường Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ), thuộc huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 72,75km (không bao gồm cầu vượt và nút giao với Quốc lộ 22 đã được đầu tư).

4.3. Quy mô đầu tư xây dựng

- Cấp đường: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô đường cao tốc, vận tốc thiết kế 100km/h theo tiêu chuẩn TCVN 5729-2012; Giai đoạn phân kỳ quy mô tương đương đường cấp III đồng bằng theo TCVN 4054-2005, tiêu chuẩn hình học phù hợp tiêu chuẩn đường cao tốc.

- Mặt cắt ngang: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 6 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}$= 32,25m (dải phân cách giữa rộng 0,75m); Giai đoạn phân kỳ quy mô 02 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}$=12,25m.

- Mặt đường: Mặt đường cấp cao A1.

- Công trình cầu: Bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017 (đối với các cầu xây dựng mới), tiêu chuẩn 22 TCN 272-05 (đối với các cầu thi công dở dang). Khổ cầu phù hợp với khổ nền đường. Tải trọng thiết kế HL93.

- Nút giao: Các nút giao được thiết kế cùng mức.

- Tần suất thiết kế: Thiết kế đảm bảo tần suất P = 1%.

4.4. Giải pháp thiết kế chủ yếu

4.4.1. Hướng tuyến

Tuyến bắt đầu từ điểm kết nối với đoạn 10km đã được đầu tư, giữ nguyên theo hướng tuyến hiện hữu đang thi công dở dang, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cấp đường (tiêu chuẩn kỹ thuật đường cao tốc cấp 100) và kết thúc tại vị trí giao với Quốc lộ N2 khoảng Km82+750.

4.4.2. Trắc dọc

Thiết kế đảm bảo tần suất thiết kế, đáp ứng tĩnh không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với đường quốc lộ, đường địa phương, tận dụng tối đa các đoạn tuyến đã thi công.

4.4.3. Mặt cắt ngang

Giai đoạn phân kỳ đầu tư về bên phải tim quy hoạch, quy mô tương đương đường cấp III 2 làn xe, chiều rộng nền đường $B_{nền}$=12,25m; $B_{mặt}$=11,25m gồm 2 làn xe chạy 2x3,5m, lề gia cố giống kết cấu mặt đường (2,0m+2,25m); lề đất 2x0,5m.

4.4.4. Nền đường

Nền đường thông thường được đắp bằng đất đảm bảo độ chặt K≥0,95, riêng 30cm sát đáy áo đường được đầm chặt K≥0,98.

Xử lý nền đất yếu: Đối với các đoạn chưa thi công và các đoạn đã thi công dở dang sử dụng các giải pháp thay đất, giếng cát hoặc các giải pháp khác cho phù hợp.

Gia cố mái taluy bằng trồng cỏ, đá hộc xây hoặc tấm ốp bê tông.

4.4.5. Mặt đường

Mặt đường gồm lớp bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm đảm bảo Eyc ≥ 155Mpa.

4.4.6. Thiết kế giao cắt

- Giai đoạn phân kỳ các nút giao được thiết kế dạng cùng mức.

- Giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch sẽ nghiên cứu đầu tư các nút giao tại vị trí giao với các đường tỉnh và đường địa phương để khai thác tuyến theo tiêu chuẩn đường cao tốc cho phù hợp. Tại vị trí giao cắt với đường sắt và đường bộ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài được nghiên cứu đầu tư trong dự án riêng.

4.4.7. Công trình cầu

Đầu tư xây dựng 14 công trình cầu, trong đó: 11 cầu tiếp tục thi công hoàn thiện và 03 cầu xây dựng mới (Trảng Bàng, An Hòa, Rạch Nhum).

a) Mặt cắt ngang cầu

Xây dựng mới và hoàn thiện các cầu với bề rộng $B_{cầu}$ =12,25m (gồm 02 làn xe chạy 2x3,5m, 02 làn xe thô sơ (2,0m+2,25m), lan can 2x0,5m); giai đoạn hoàn chỉnh mở rộng cầu để đảm bảo quy mô 03 làn cao tốc, bề rộng $B_{cầu}$ =16,25m (gồm 3 làn xe chạy 3x3,75m, dải phân cách giữa và dải an toàn trong 0,75+2x0,75m, làn dừng xe khẩn cấp 1x3,0m, dải phụ 2x0,25m, lan can 2x0,5m) và xây dựng thêm 01 đơn nguyên về bên trái với bề rộng $B_{cầu}$ =16,25 m. Riêng cầu Thanh An (cầu đúc hẫng) $B_{cầu}$ =13,75 m, gồm 02 làn xe chạy 2x3,5m, 2 làn xe thô sơ (2,0m+3,75m), lan can 2x0,5m để bố trí thành 03 làn xe cao tốc trong tương lai (0,5m+0,75m+3x3,75m+0,75m+0,5m); giai đoạn hoàn thiện xây dựng thêm 01 đơn nguyên với $B_{cầu}$ =13,75m, đảm bảo quy mô 06 làn xe (không bố trí làn dừng xe khẩn cấp).

b) Trắc dọc cầu: Đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế và tĩnh không thông thuyền, tĩnh không đường dân sinh.

c) Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm bê tông cốt thép dự ứng lực (dầm đúc hẫng cân bằng, dầm I, dầm Super-T).

d) Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép trên hệ móng cọc bê tông cốt thép. Kết cấu móng mố, trụ, chiều dài cọc dự kiến sẽ được chuẩn xác trong bước thiết kế tiếp theo.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

4.4.8. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Hoàn thiện các cống đang thi công và xây dựng

mới một số cống đảm bảo nhu cầu thoát nước trên tuyến.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng hệ thống rãnh dọc bảo đảm thoát nước nền, mặt đường.

4.4.9. Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế GTVT phía Nam (TEDIS).

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm: Các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 19,26 ha (không bao gồm phần diện tích đã giải phóng mặt bằng trước đây).

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp I.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn: Theo Quyết định số 525/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa.

9. Tổng mức đầu tư: **2.292,776** tỷ đồng *(Hai nghìn hai trăm chín mươi hai tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng)*.

- Chi phí GPMB, bồi thường, hỗ trợ TĐC: (đã bao gồm dự phòng)	264,399	tỷ đồng
- Chi phí xây dựng:	1.667,207	tỷ đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn, chi phí khác:	125,303	tỷ đồng
- Chi phí dự phòng:	235,867	tỷ đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2022, khởi công năm 2023, hoàn thành năm 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 -2025 khoảng 2.178 tỷ đồng và nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 -2030 khoảng 114,776 tỷ đồng.

- Dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ dự án như sau: Năm 2022: 3,0 tỷ đồng; Năm 2023: 323,7 tỷ đồng; Năm 2024: 980,1 tỷ đồng; Năm 2025: 871,2 tỷ

đồng; Năm 2026: 114,776 tỷ đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Áp dụng hình thức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Thực hiện theo Khung chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 548/TTg-CN ngày 16/6/2023 về việc phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.

- Phạm vi được xác định theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tổng diện tích thu hồi đất khoảng 19,26 ha.

- Tổ chức thực hiện: Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành tiểu dự án riêng, do Uỷ ban nhân dân các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Các nội dung khác

Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo tư vấn hoàn thiện hồ sơ theo Báo cáo thẩm định số 1592/CQLXD-DAĐT2 ngày 28/6/2023 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng và ý kiến của các cơ quan liên quan. Trong bước tiếp theo, căn cứ kết quả khảo sát chi tiết, chỉ đạo tư vấn chuẩn xác các số liệu tính toán và lựa chọn giải pháp thiết kế tối ưu: giải pháp xử lý nền đường; chiều dày các lớp kết cấu áo đường; giải pháp móng mố, trụ cầu; giải pháp kết cấu, sơ đồ nhịp... đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định và bền vững công trình.

- Tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng và khả năng sử dụng các cấu kiện bán thành phẩm (dầm, cọc BTCT, cống...) đã thi công trước đây để tận dụng, tiết kiệm chi phí xây dựng và quản lý đầu tư, chi phí theo đúng quy định pháp luật.

- Lập kế hoạch, tiến độ tổng thể, chi tiết để triển khai Dự án, tuân thủ quy định, phù hợp với tiến độ triển khai, hoàn thành Dự án theo Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội và kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Xây dựng, đăng ký nhu cầu vốn hàng năm đảm bảo cân đối, bố trí đủ vốn cho Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và các chủ đầu tư dự án khác có liên quan để khớp nối chuẩn xác phạm vi thiết kế; kiểm tra, rà soát khối lượng, tránh trùng lặp, đảm bảo chặt chẽ về thủ tục.

- Làm việc cụ thể với các địa phương để làm rõ số hộ dân bị ảnh hưởng, chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư... đối với từng vị trí giao cắt do điều chỉnh phương án nút giao trong giai đoạn phân kỳ và giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch để thống nhất phương án xử lý, đảm bảo phù hợp thực tế, hài hòa lợi ích của người dân và phù hợp quy định.

- Tổ chức triển khai công tác cắm mốc quy hoạch thực hiện cho 6 làn xe giai

đoạn hoàn chỉnh để bàn giao cho địa phương quản lý.

- Quản lý chặt chẽ chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện bảo vệ môi trường theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2023 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện Dự án tuân thủ quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong quá trình quản lý, thực hiện Dự án, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt, Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh khẩn trương chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật hồ sơ thiết kế cắm cọc giải phóng mặt bằng và hoàn thiện các thủ tục liên quan, bàn giao cho các Chủ đầu tư tiểu dự án thành phần giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Kết cấu hạ tầng giao thông, Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng các Cục: Đường cao tốc Việt Nam; Đường bộ Việt Nam; Quản lý đầu tư xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước TW;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- UBND tỉnh Long An;
- Các đơn vị có liên quan (Ban QLDA ĐHCM sao gửi);
- Lưu: VT, CQLXD (03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Lê Anh Tuấn

Phụ lục

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU

(Kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp dự kiến (m)	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Kết cấu nhịp	Kết cấu phần dưới
I	**Hoàn thiện các cầu thi công dở dang**						
1	Cầu kênh Phước Hòa	Km10 +943	3x25,7	87,3	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
2	Cầu Cây Trường	Km18 +700	3x12,5	45,7	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
3	Cầu Bà Tứ	Km19 +977	3x20,7	71,1	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
4	Cầu Thị Tính	Km28 +470	5x25,7	138,8	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
5	Cầu Suối Tre	Km34 +559	3x20,7	72,3	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
6	Cầu Thanh An	Km40 +883	39,1 + 4x40 + 39,1 + (60+90+60) + 39,1 + 2x40 + 39,1	617,7	13,75	Dầm đúc hẫng cân bằng và dầm super T	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
7	Cầu Rạch Suối	Km42 +486	1x30	38,1	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
8	Cầu Kênh Đông	Km46 +571	3x20,7	72,3	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT

9	Cầu Tây Long	Km62 +606	9x33	309,1	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
10	Cầu Bào Trai	Km80 +246	3x33	114,4	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
11	Cầu Hóc Thơm	Km82 +054	3x33	111,8	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
II	**Xây dựng mới các cầu chưa thi công**						
1	Cầu Trảng Bàng	Km60 +563	39,1 + 9x40 + 39,1	449,2	12,25	Dầm super T	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
2	Cầu An Hòa	Km61 +413	11x33	375,8	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT
3	Cầu Rạch Nhum	Km76 +493	1x16,9	38,4	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT